CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Sông Đà 9

Ngày 31/12/2025	11,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-3.4%	**-6.6%**	**-4.2%**

DT thuần
Q4/25
198
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 74.0| 59.9%
YoY: ▲ 95.0| 92.5%

LN thuần
Q4/25
-2.77
tỷ VNĐ
QoQ: ▼31.7| -110%
YoY: ▼14.2| -124%

LN sau thuế
Q4/25
0.59
tỷ VNĐ
QoQ: ▼22.9| -97.5%
YoY: ▼5.04| -89.4%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
22.2%
YoY: +/-▼ 4.9%

ROE
2025
3.7%
YoY: +/-▲ 0.6%

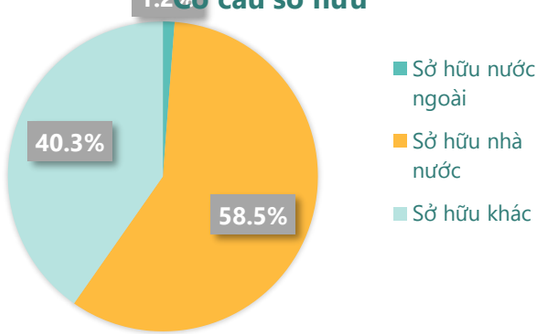
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	11,130 - 13,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	387
Số lượng CPLH (CP)	34,234,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	9,505
Sở hữu nước ngoài	1.2%
Beta	0.22
EPS	907
P/E	12.5

DT thuần
2025
488
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 61.0| 14.2%

LN thuần
2025
56.1
tỷ VNĐ
YoY: ▼12.0| -17.7%

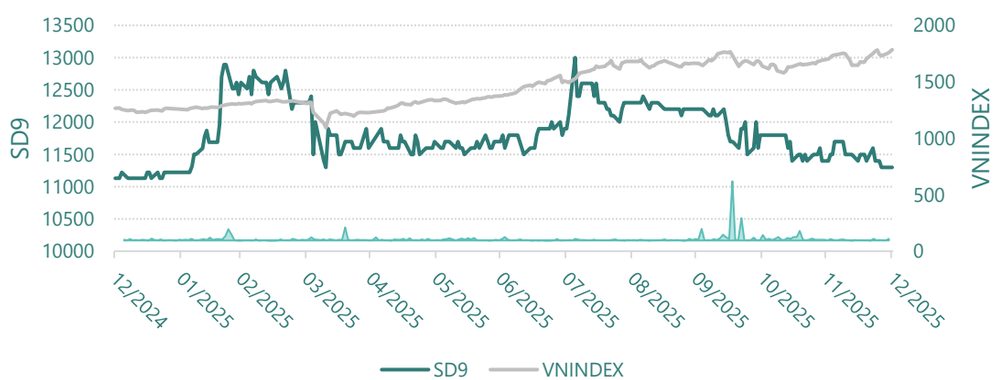
LN sau thuế
2025
50.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.00| 4.2%

Cơ cấu sở hữu

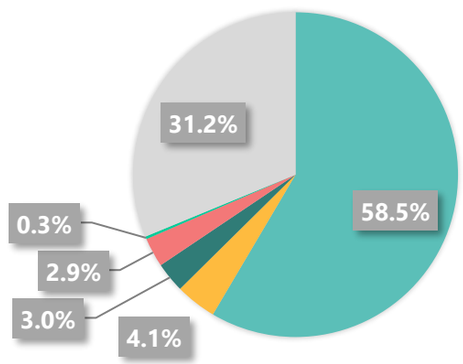


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



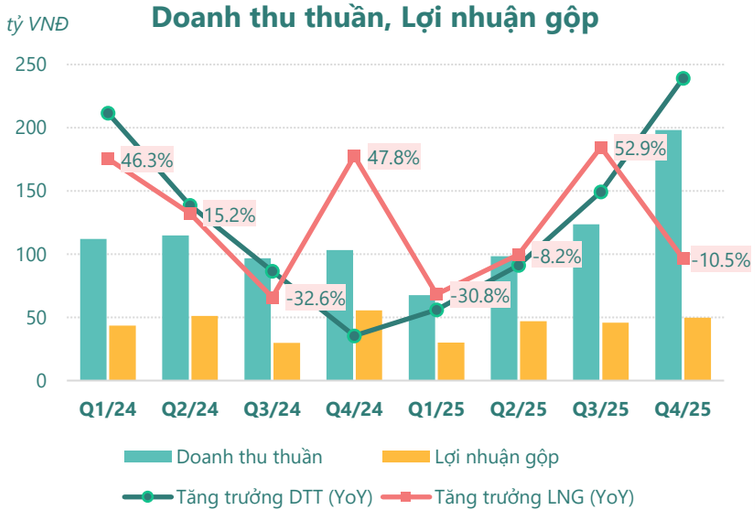
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

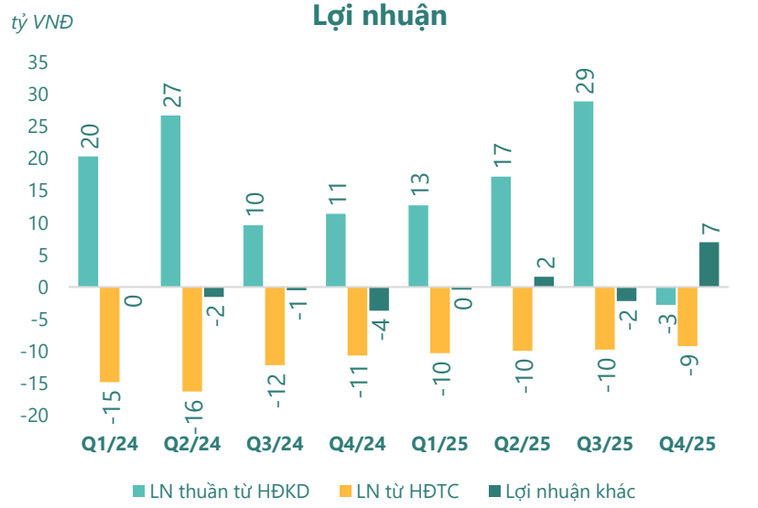
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



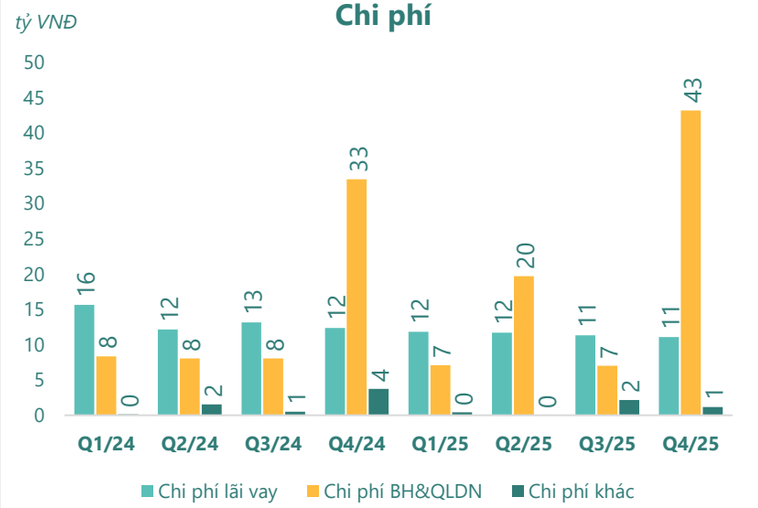
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



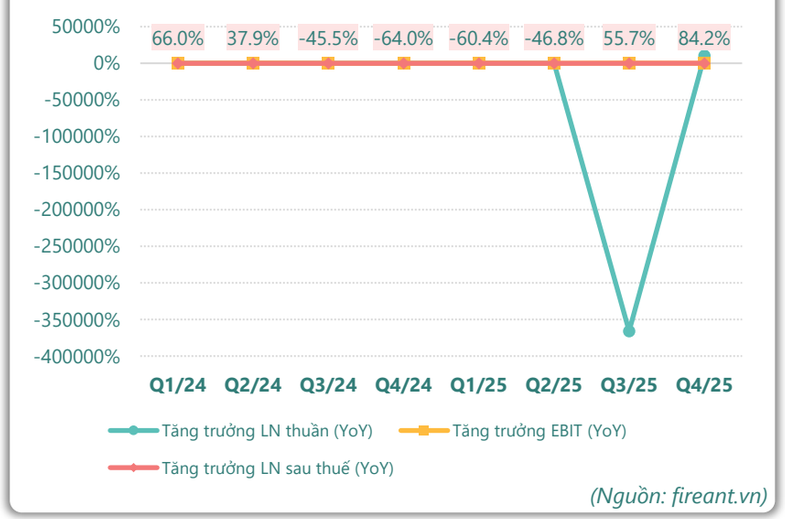
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



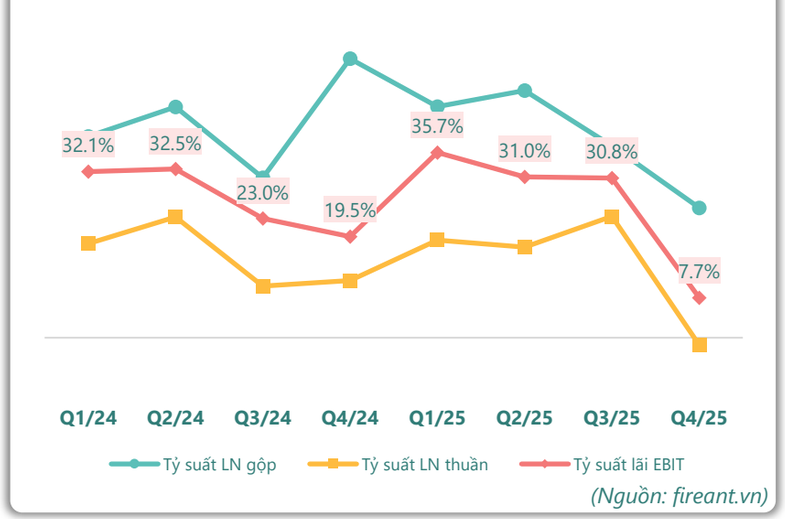
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



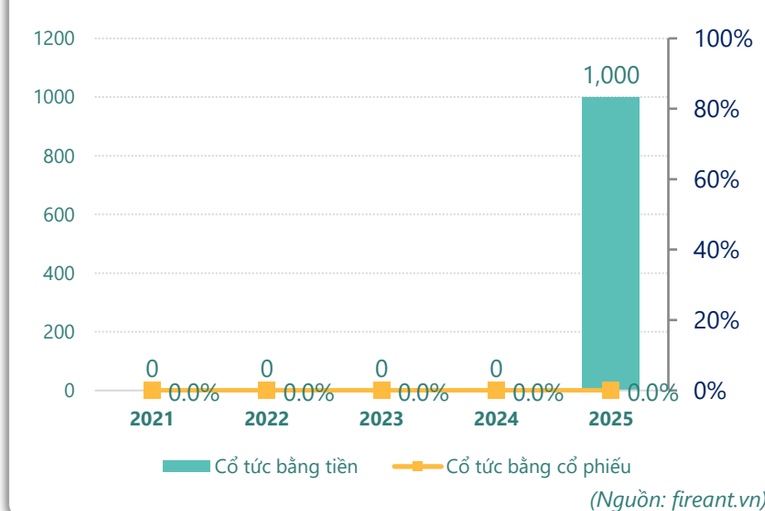
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

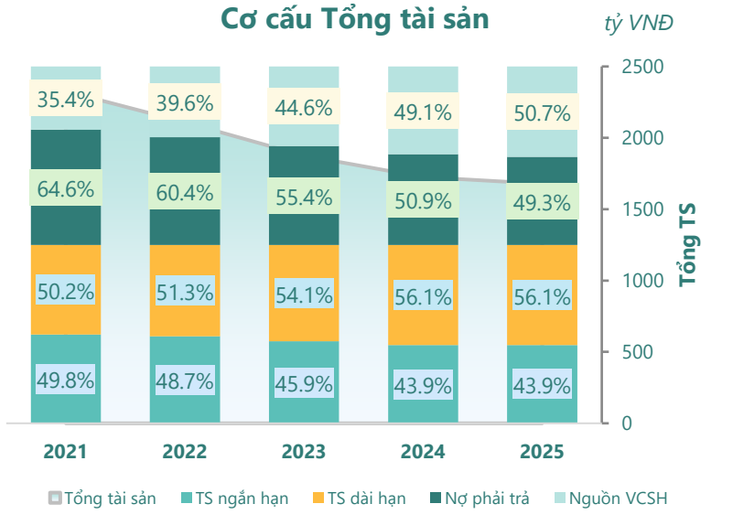
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

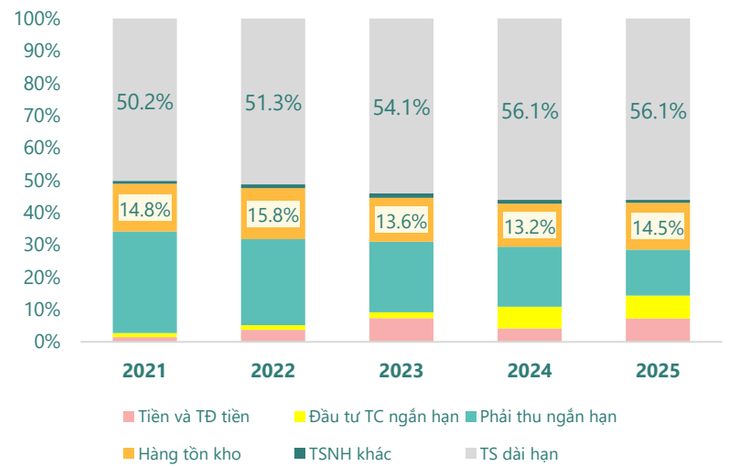
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



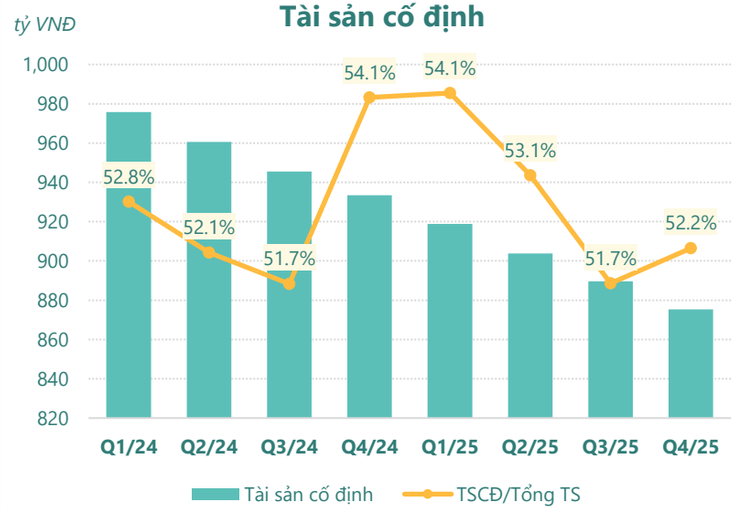
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



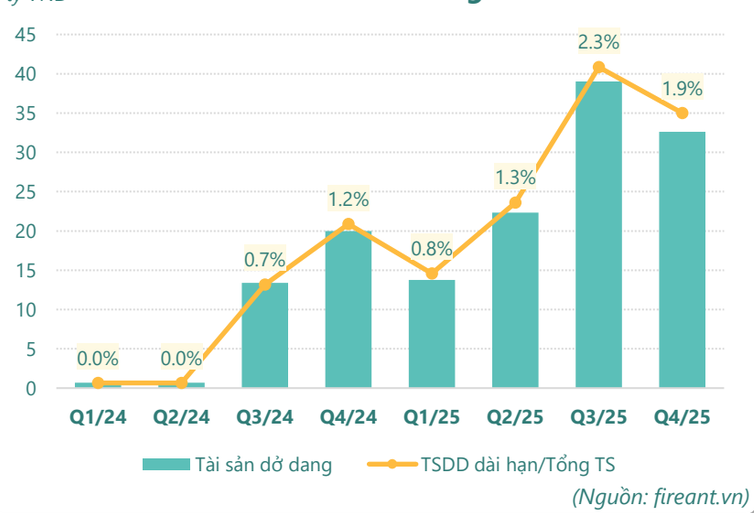
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



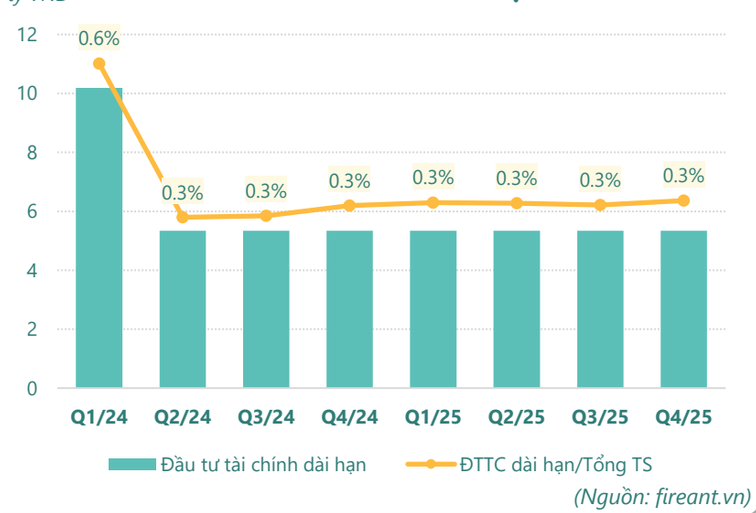
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



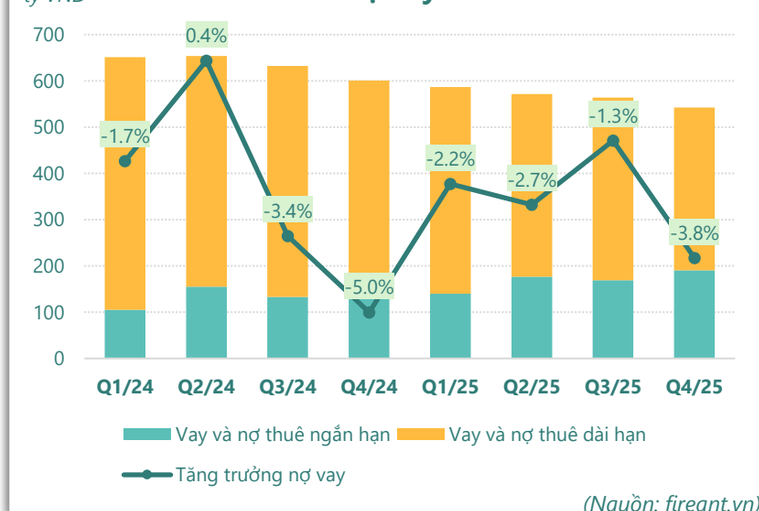
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

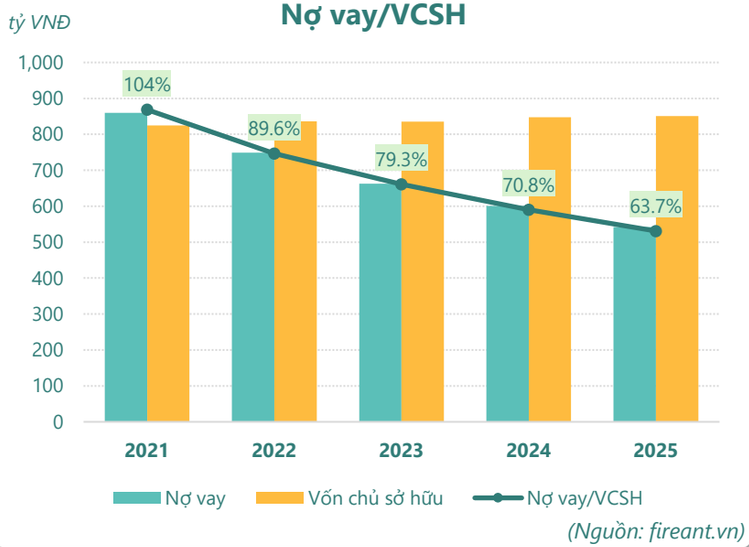
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

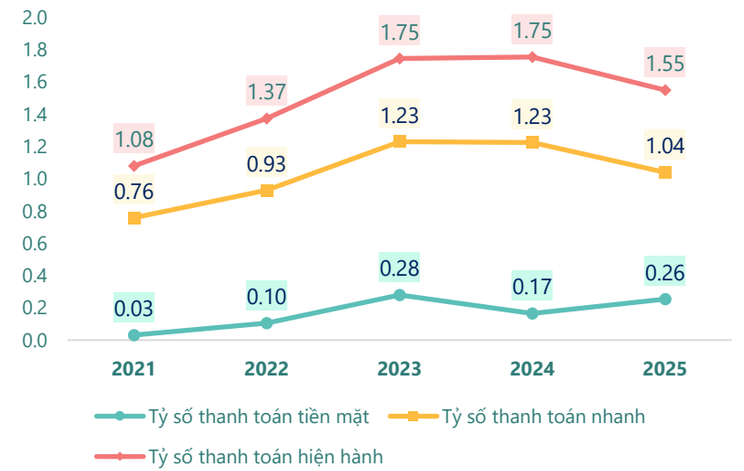
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



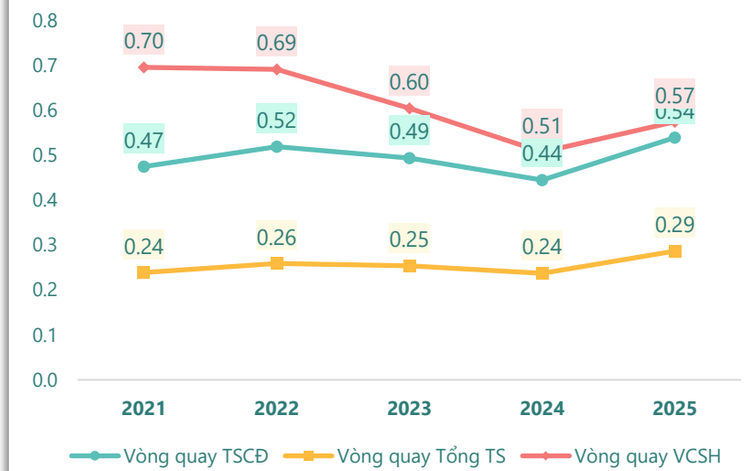
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



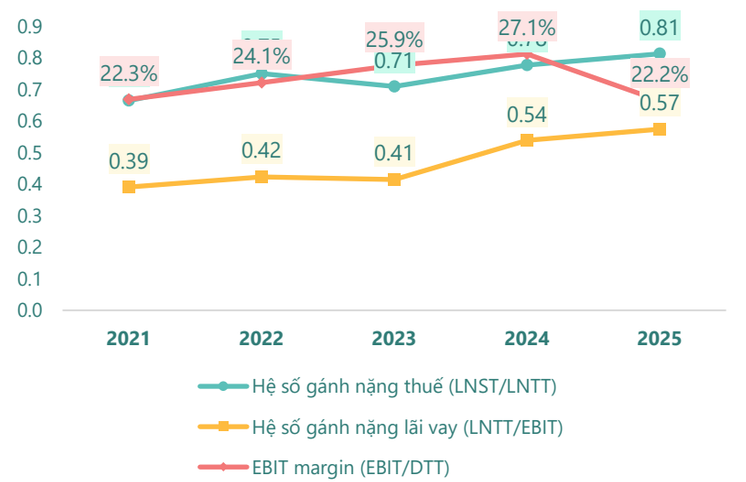
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



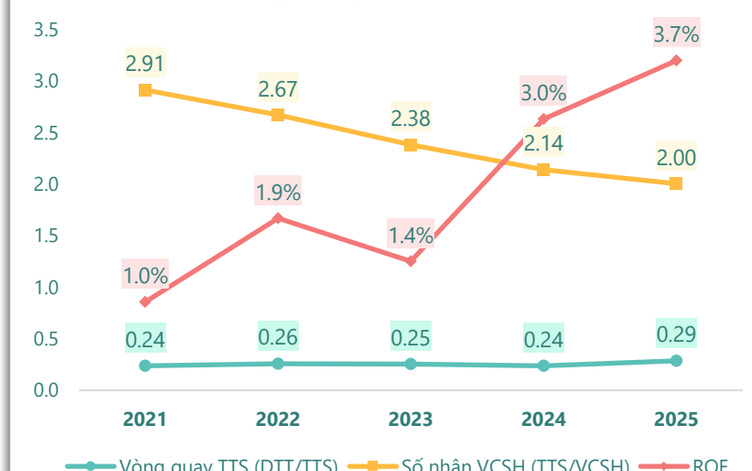
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



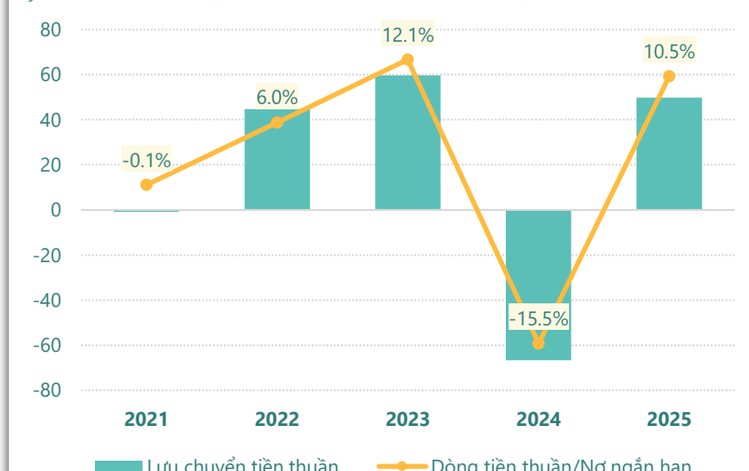
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**198**	**103**	**92.5%**	**488**	**427**	**14.2%**
Giá vốn hàng bán	149	47.7	211%	315	247	27.7%
Lợi nhuận gộp	49.7	55.5	-10.5%	172	180	-4.2%
Doanh thu HĐTC	1.86	1.70	9.3%	6.86	4.26	60.8%
Chi phí TC	11.1	12.4	-10.5%	46.1	58.3	-20.9%
Chi phí lãi vay	11.1	12.4	-10.7%	46.0	53.3	-13.8%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**43.2**	**33.5**	**29.0%**	**77.1**	**57.9**	**33.1%**
LN thuần từ HĐKD	-2.77	11.4	-124%	56.1	68.1	-17.7%
Lợi nhuận khác	**6.99**	**-3.68**	**290%**	**6.00**	**-5.80**	**203%**
LN trước thuế	4.22	7.72	-45.4%	62.1	62.3	-0.4%
Lợi nhuận sau thuế	**0.59**	**5.63**	**-89.4%**	**50.5**	**48.5**	**4.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-3.90**	**2.04**	**-291%**	**31.1**	**25.3**	**22.7%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	68.1	34.4	44.3	30.4	58.5	29.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-71.8	-31.3	-35.7	38.4	-35.9	34.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-28.1	-37.8	-13.4	-60.1	-7.37	-33.0
Tiền đầu kỳ	138	106	71.4	66.7	75.4	90.6
Lưu chuyển tiền thuần	**-31.8**	**-34.7**	**-4.76**	**8.69**	**15.2**	**30.7**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0.07	0	0
Tiền cuối kỳ	106	71.4	66.7	75.4	90.6	121

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,678**	**1,726**	**-2.8%**
Tài sản ngắn hạn	737	757	-2.6%
Tiền và tương đương tiền	121	71.4	69.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	119	116	3.2%
Phải thu ngắn hạn	238	321	-25.9%
Hàng tồn kho	243	229	6.2%
Tài sản ngắn hạn khác	15.8	20.3	-22.3%
Tài sản dài hạn	**941**	**969**	**-2.9%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	875	933	-6.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	32.6	20.0	63.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	5.34	5.34	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**27.6**	**10.0**	**175%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	827	878	-5.8%
Nợ ngắn hạn	**475**	**431**	**10.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	191	154	24.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	61.8	68.9	-10.2%
Nợ dài hạn	352	447	-21.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	352	447	-21.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**851**	**848**	**0.4%**
Vốn chủ sở hữu	**851**	**848**	**0.4%**
Vốn điều lệ	342	342	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)